SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÙNG VƯƠNG

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KỲ II

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên HS được hỗ trợ chi phí học tập	Lớp	Con ông (bà)	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Chi tiết đối tượng	Ký nhận
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	Tổng cộng			**215**	**191.250.000**		
A	**Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ**			**215**	**32.250.000**		
1	Nguyễn Thị Ngọc Mai	10A1		5	750.000		
2	Nguyễn Phương Vy	10A1		5	750.000		
3	Nguyễn Hoàng Gia	10A1		5	750.000		
4	Y Diệp Êñuôl	10A2		5	750.000		
5	Hồ Bảo Nam	10A2		5	750.000		
6	Nguyễn Văn Vỹ	10A3		5	750.000		
7	Y Khim Êcăm	10A3		5	750.000		
8	H' Thach Êban	10A3		5	750.000		
9	Nguyễn Vũ Trâm Oanh	10A4		5	750.000		
10	H' Rian Êban	10A4		5	750.000		
11	Y Ghang Byă	10A4		5	750.000		
12	Nguyễn Thị Cẩm Mỹ	10A5		5	750.000		
13	Đoàn Thị An Như	10A6		5	750.000		
14	Y Yu - Let Êñuôl	10A7		5	750.000		
15	Hồ Bảo Nam	10A7		5	750.000		
16	Lê Thị Mỹ Tình	11A7		5	750.000		
17	H' Ri Ta Êcăm	10A8		5	750.000		
18	Y- Suel Knul	10A8		5	750.000		
19	Y Khai Knul	10A9		5	750.000		
20	Vũ Hà Bảo Nam	10A9		5	750.000		
21	H' Oanh Êñuôl	10A9		5	750.000		
22	H Nhơn Êban	10A9		5	750.000		
23	Đặng Thị Ngọc Ánh	11A2		5	750.000		
24	Nguyễn Thị Thanh Xuân	11A4		5	750.000		
25	Nguyễn Hoàng Thúy Nga	11A5		5	750.000		
26	H Diệp Êñuôl	11A6		5	750.000		
27	H Lê Di Khang	11A6		5	750.000		

28	H' Đăng Êcăm	11A6		5	750.000		
29	H- Xoan Knul	11A6		5	750.000		
30	Lê Thị Thu	11A6		5	750.000		
31	Y- Binh -Hmŏk	11A6		5	750.000		
32	Trịnh Xuân Nguyên	11A6		5	750.000		
33	Hoàng Thị An	12A1		5	750.000		
34	Trịnh Thị Hồng Ngọc	12A2		5	750.000		
35	Vũ Thị Kiều Anh	12A2		5	750.000		
36	Mai Dáng Kiều	12A3		5	750.000		
37	H- Goai Buôn Krông	12A6		5	750.000		
38	H - Ruin Êčăm	12A7		5	750.000		
39	Đỗ Thị Thanh Thương Êban	12A6		5	750.000		
40	H- Nuên Ê Ñuôl	12A6		5	750.000		
41	H Sôna Bkrông	12A7		5	750.000		
42	Y - Mi Gel Êčăm	12A8		5	750.000		
43	Bùi Vũ Phương Anh	11A8		5	750.000		
B	**Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.**			**10**	**1.500.000**		
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	10A8		5	750.000		
2	Võ Ngọc Thùy	10A8		5	750.000		
C	**Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở GDTX theo chương trình GDPT ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III**			**1050**	**157.500.000**		
1	H' Sara Byă	11A7		5	750.000		
2	H' Yô Na Knul	11A7		5	750.000		
3	H' Mư Niê	10A6		5	750.000		
4	H' Điêu Bkrông	10A6		5	750.000		
5	H' Ñoet Êban	11A5		5	750.000		
6	H' Thăc Adrõng	10A6		5	750.000		
7	H' Tra Adrơng	11A7		5	750.000		
8	Nguyễn Thị Trà	11A1		5	750.000		
9	H Liêr Êčăm	12A5		5	750.000		
10	H Nem Knul	12A5		5	750.000		
11	H' Wôn Knul	12A5		5	750.000		
12	H' Trăng Byă	12A6		5	750.000		
13	Y Ru Ben Ênuỗl	11A7		5	750.000		
14	Y - Khoa Niê	12A7		5	750.000		
15	H' Bích Ka AdrởNg	12A7		5	750.000		
16	H' Lar Niê	12A8		5	750.000		
17	Nguyễn Thị Hồng	12A4		5	750.000		
18	H' Ôra-bya	11A2		5	750.000		
19	Y - Khiăm HđởK	12A6		5	750.000		
20	H Mạnh Bkrông	12A6		5	750.000		
21	H' Rê Juin Adrõng	10A9		5	750.000		
22	H' Ngôn Byă	10A9		5	750.000		
23	H- Ruên Ênuôl	12A7		5	750.000		
24	H' Iêm Knul	10A3		5	750.000		
25	H' Cư Niê	10A8		5	750.000		

26	H' Mash Niê	11A7		5	750.000		
27	Y Quốc Niê Kdăm	10A7		5	750.000		
28	H' Ngai Niê Kđăm	12A8		5	750.000		
29	Phạm Quốc Trung	11A1		5	750.000		
30	H' Jiê Niê	10A6		5	750.000		
31	H' Wia Êban	10A9		5	750.000		
32	H' Ân Byă	10A9		5	750.000		
33	Đặng Khánh Linh	10A1		5	750.000		
34	Lộ Đông Nhi	10A1		5	750.000		
35	Đỗ Nguyễn Khánh Ngọc	10A1		5	750.000		
36	Đinh Công Minh	10A2		5	750.000		
37	Trần Anh Tuấn	10A2		5	750.000		
38	Lê Thị Mai	10A2		5	750.000		
39	Nguyễn Niê Thành Phú	10A2		5	750.000		
40	Bùi Thị Thanh Huyền	10A2		5	750.000		
41	Nguyễn Lê Trung Nguyên	10A2		5	750.000		
42	Y Luyên Hmŏk	10A2		5	750.000		
43	Trần Thị Trúc Quỳnh	10A2		5	750.000		
44	Lương Ngọc Mỹ Anh	10A3		5	750.000		
45	H' Xuân Linh Êčăm	10A3		5	750.000		
46	H' Tha Ly Êčăm	10A3		5	750.000		
47	H' Tra Knul	10A3		5	750.000		
48	Đinh Xuân Đức	10A3		5	750.000		
49	Nguyễn Ngọc Hà Mi	10A3		5	750.000		
50	Phạm Thị Kiều Oanh	10A3		5	750.000		
51	Phạm Văn Hải Đăng	10A3		5	750.000		
52	H' Nhuệ Niê	10A4		5	750.000		
53	Nguyễn Thị Thanh Hằng	10A4		5	750.000		
54	Vũ Thị Ngân	10A4		5	750.000		
55	Nguyễn Huỳnh Bảo Linh	10A4		5	750.000		
56	Vũ Hồng Sơn	10A4		5	750.000		
57	Y - Phăng Knul	10A4		5	750.000		
58	H Tri Niê	10A4		5	750.000		
59	H' Bič Hđŏk	10A5		5	750.000		
60	Hoàng Xuân Ngọc	10A5		5	750.000		
61	Nguyễn Ngọc Bảo Như	10A5		5	750.000		
62	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	10A5		5	750.000		
63	H Trâm Êčăm	10A5		5	750.000		
64	Trần Thị Huyền Trân	10A5		5	750.000		
65	H Bi Ra Bkrông	10A6		5	750.000		
66	H' Nhung Knul	10A6		5	750.000		
67	Đỗ Thị Tâm	10A6		5	750.000		
68	Nguyễn Phạm Quang Vinh	10A7		5	750.000		
69	Lê Văn Hoàng Thọ	10A7		5	750.000		
70	Nguyễn Thị Thùy Giang	10A7		5	750.000		
71	Phạm Thanh Tâm	10A7		5	750.000		
72	Y Khiêm Niê	10A7		5	750.000		
73	Bùi Cao Tiến	10A7		5	750.000		
74	H' Huyên Êban	10A7		5	750.000		
75	H' Boăt Hđŏk	10A7		5	750.000		
76	H' Ôn Buôn Yă	10A7		5	750.000		
77	Y Huim Êñuôl	10A7		5	750.000		
78	Tuyết Nhi - Buôn Yă	10A7		5	750.000		

79	H' Yă Xuyên Êban	10A8		5	750.000		
80	H' Cư Niê	10A8		5	750.000		
81	H' Rô Da Adrõng	10A8		5	750.000		
82	H' Toai Êban	10A8		5	750.000		
83	Y - Apôlos Niê	10A8		5	750.000		
84	H' Đơt - Hđŏk	10A8		5	750.000		
85	H' Wui Êñuôl	10A8		5	750.000		
86	Y - Dila Bkrông	10A8		5	750.000		
87	Y Phụng Niê	10A8		5	750.000		
88	My Rê A Bkrông	10A8		5	750.000		
89	Y Thiam Knul	10A8		5	750.000		
90	Y - Luk Knul	10A8		5	750.000		
91	Nguyễn Đức Tuấn	10A8		5	750.000		
92	Y - Phi Nia Êban	10A8		5	750.000		
93	Nguyễn Minh Quân	10A8		5	750.000		
94	Hà Thanh Đạt Adrõng	10A9		5	750.000		
95	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10A9		5	750.000		
96	Y Teo Mlô	10A9		5	750.000		
97	Bùi Thị Kim Ngân	10A9		5	750.000		
98	Y - Tơ Hđŏk	10A9		5	750.000		
99	Phan Quang Anh	11A1		5	750.000		
100	Đào Thị Trường Ka	11A1		5	750.000		
101	Hoàng Đức Mạnh	11A1		5	750.000		
102	Nguyễn Châu Long Nhật	11A1		5	750.000		
103	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	11A1		5	750.000		
104	Hoàng Thị Thanh Tâm	11A1		5	750.000		
105	Huỳnh Thạch Thảo	11A1		5	750.000		
106	Phạm Thị Phương Thúy	11A1		5	750.000		
107	Phạm Thị Phương Uyên	11A1		5	750.000		
108	Lê Ngọc Uyển Diễm	11A1		5	750.000		
109	Hà Thị Thùy Linh	11A2		5	750.000		
110	Nguyễn Văn Thuận	11A2		5	750.000		
111	Vũ Thị Hoài An	11A2		5	750.000		
112	Trần Thanh Hoàng	11A2		5	750.000		
113	Vũ Thị Thu Hiền	11A2		5	750.000		
114	Phạm Ngọc Huy Hoàng	11A2		5	750.000		
115	Võ Thị Thúy Uyên	11A2		5	750.000		
116	Hồ Thị Thu Trang	11A2		5	750.000		
117	Phan Sỹ Nguyên	11A3		5	750.000		
118	Vũ Thị Thanh Hằng	11A3		5	750.000		
119	Nguyễn Thị Quỳnh Trang Hmô	11A3		5	750.000		
120	Nguyễn Văn Tuấn	11A3		5	750.000		
121	Phạm Thị Anh Thư	11A4		5	750.000		
122	Y- Truyên Byă	11A4		5	750.000		
123	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11A4		5	750.000		
124	H' Mi Ky Niê	11A4		5	750.000		
125	H' Thơm Niê	11A5		5	750.000		
126	Y Khen Da Bkrông	11A5		5	750.000		
127	H' Khuyên Êban	11A5		5	750.000		
128	H Ngip Knul	11A5		5	750.000		
129	Nguyễn Thị Như Ý	11A5		5	750.000		
130	Nguyễn Thị Kim Huệ	11A5		5	750.000		
131	Nguyễn Trần Quỳnh Chi	11A5		5	750.000		

132	Vũ Văn Hợi	11A5		5	750.000		
133	Phạm Phương Thúy	11A5		5	750.000		
134	Nguyễn Thị Bảo Trân	11A5		5	750.000		
135	Y - Dhuôn Êban	11A6		5	750.000		
136	H' Doanh Adrõng	11A6		5	750.000		
137	Phạm Thị Huyền	11A6		5	750.000		
138	Trần Văn Thi	11A6		5	750.000		
139	Y' Tiên Ê Nuõl	11A6		5	750.000		
140	H' Tuê Knul	11A6		5	750.000		
141	H- On-byă	11A7		5	750.000		
142	Phạm Đình Thiêm	11A7		5	750.000		
143	Nguyễn Tiến Đạt	11A7		5	750.000		
144	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	11A7		5	750.000		
145	Y - Kung Niê	11A7		5	750.000		
146	Nguyễn Thị Quỳnh Như	11A8		5	750.000		
147	H - Lôi Êčăm	11A8		5	750.000		
148	H' Sia Ênuôl	11A8		5	750.000		
149	H' Gôi Byă	11A8		5	750.000		
150	H' Nguyên Mlô	11A8		5	750.000		
151	H' Nguyệt Knul	11A8		5	750.000		
152	H' Guên Niê	11A8		5	750.000		
153	H' Lin Đa Niê	11A8		5	750.000		
154	Y - Phila Niê B'dap	11A8		5	750.000		
155	Huỳnh Hậu	11A8		5	750.000		
156	Y- A- Môt - Ê Ban	11A8		5	750.000		
157	Vương Đình Hưng	11A8		5	750.000		
158	Lê Hữu Thành	12A1		5	750.000		
159	Trần Thị Thu Hà	12A2		5	750.000		
160	Lê Huy Hoàng	12A2		5	750.000		
161	Trần Thị Ngọc Kiều	12A2		5	750.000		
162	Trần Vân Oanh	12A2		5	750.000		
163	Vũ Đình Hùng	12A2		5	750.000		
164	Bùi Phương Đông	12A2		5	750.000		
165	Trần Duy Tùng	12A2		5	750.000		
166	Dương Gia Huy	12A3		5	750.000		
167	Nguyễn Thị Thu Hiền	12A3		5	750.000		
168	Lê Thị Thu	12A3		5	750.000		
169	Y Diêu Bkrông	12A3		5	750.000		
170	H' Trang Byă	12A4		5	750.000		
171	H Ánh Knul	12A4		5	750.000		
172	Ngô Lê Ngọc Trâm	12A4		5	750.000		
173	Ngô Thị Diễm Quỳnh	12A4		5	750.000		
174	Hoàng Xuân Vũ	12A4	Thiếu XNCT	5	750.000		
175	Nguyễn Huyền Trang	12A4		5	750.000		
176	Nguyễn Thị Phương Nhung	12A4		5	750.000		
177	Nguyễn Thị Út Ngọc	12A5		5	750.000		
178	H' Huyn Di Êban	12A5		5	750.000		
179	Nguyễn Văn Cư	12A5		5	750.000		
180	H' Đoai Byă	12A6		5	750.000		
181	H' Đô Mi Knul	12A6		5	750.000		
182	Y' Yô Bil Êñuôl	12A6		5	750.000		
183	Y- Dăm Bhu Niê	12A6		5	750.000		
184	H' Čap Byă	12A6		5	750.000		

185	Trần Thị Yến Nhi	12A6		5	750.000		
186	Nguyễn Thị Thu Cúc	12A6		5	750.000		
187	Hà Thị Ngân	12A6		5	750.000		
188	Đinh Thị Hải Yến	12A6		5	750.000		
189	Y - Khoa Bkrông	12A6		5	750.000		
190	H' Đru Niê	12A7		5	750.000		
191	H' Gum Niê	12A7		5	750.000		
192	Cao Hữu Chung Nguyên	12A7		5	750.000		
193	H' Se Ka Knul	12A7		5	750.000		
194	Dương Minh Quân	12A7		5	750.000		
195	Y - Nôê Byă	12A7		5	750.000		
196	Lê Hoàng Thái	12A7		5	750.000		
197	Lê Thị Thơm	12A7		5	750.000		
198	Y Rian Hđŏk	12A7		5	750.000		
199	H' Muin Knul	12A7		5	750.000		
200	Lê Thị Kim Ngân	12A7		5	750.000		
201	Cao Thị Quỳnh Trang	12A7		5	750.000		
202	Y Kiệt ÊCăm	12A7		5	750.000		
203	H' Loãñ HđŏK	12A8		5	750.000		
204	Đinh Đức Hoàng Anh	12A8		5	750.000		
205	Trần Đình Tài	12A8		5	750.000		
206	Trần Ngọc Thắng	12A8		5	750.000		
207	Lê Tuấn Anh	12A8		5	750.000		
208	H' Rea B Yă	12A8		5	750.000		
209	Hồ Hoài Anh	12A8		5	750.000		
210	Y Ngeh Bkrông	12A8		5	750.000		

Krông Ana, ngày 18 tháng 12 năm 2024

Kế toán

Văn Đức Hải

Hiệu trưởng

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÙNG VƯƠNG

Vương Xuân Hồng

BMT, ngày 19 tháng 12 năm 2024

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

PHÒNG TC - KH

Trịnh Công Sáu

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lê Thị Kim Oanh